TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI CHÂU
TỈNH HÒA BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 09-6-2020
V/v: Yêu cầu tuyên bố không phải là vợ chồng, tranh chấp về nuôi con, tài sản chung, nợ chung.

NHÂN DANH
NƠ¡ỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI CHÂU, TỈNH HÒA BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tùng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lường Khắc Tiệp
2. Bà Phạm Thị Lan.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Khà Thị Thanh Loan

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Châu tham gia phiên tòa*: Ông Bùi Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2020/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 về yêu cầu tuyên bố không phải vợ chồng, tranh chấp nuôi con, tài sản chung, nợ chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXX - ST ngày 18 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02/6/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tếnh Y M, sinh năm 1978; nơi cư trú: Xóm P, xã P, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Sùng A Tr, sinh năm 1978; nơi cư trú: Xóm P, xã P, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt,

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Phòng giao dịch Ngân hàng Ch huyện M – Chi nhánh Ngân hàng Ch tỉnh Hòa Bình; địa chỉ: T2, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hòa Bình; đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn Ch; chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hành Ch huyện Mai Châu – Chi nhánh Ngân hàng Ch tỉnh Hòa Bình, theo văn bản ủy quyền số: 73xx/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Ch. Có mặt.

- Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh huyện M, tỉnh Hòa Bình. Địa chỉ: T2, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Hồng Tr - Giám đốc chi nhánh (theo quyết định số: 29xx/QĐ-NHNNo-PC ngày 27/12/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng N Việt Nam). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19/9/2017 và Biên bản lấy lời khai của đợơng sự ngày 31/10/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Tếnh Y M đã trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Sùng A Tr sống chung như vợ chồng từ tháng 02 năm 1994 đến nay không đăng kí kết hôn. Khi bắt đầu chung sống, anh Tr đang đi học, sau đó ra trường và làm cán bộ Kế toán tài chính xã P. Tuy nhiên anh Tr không tập trung công tác mà có quan hệ tình cảm với người khác, thường xuyên gặp gỡ, tụ tập với những người nghiện ma túy và có hành vi đánh đập, chửi bới chị M. Sau đó anh Tr thôi việc nhưng không tu trí làm ăn cùng chị nuôi dạy con mà vẫn tiếp tục như trước. Từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Mặc dù gia đình hai bên và chính quyền địa phương đã hòa giải, anh Tr cũng hứa là sẽ thay đổi nhưng sau đó anh Tr vẫn không thay đổi. Nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh Tr được nữa nên chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sống từ cuối năm 2016 đến nay. Do chị và anh Tr không đăng ký kết hôn nên đề nghị tòa án cho ly hôn tuyên bố không phải là vợ chồng.

Về con chung: Chị và anh Sùng A Tr có 02 con chung là Sùng Y X, sinh ngày 08/10/1995 và Sùng A V, sinh ngày 13/3/2003. Con Sùng Y X đã đủ 18 tuổi, khỏe mạnh bình thường, đã lập gia đình nên chị không yêu cầu giải quyết. Chị xin trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Sùng A V đến khi con đủ 18 tuổi, có khả năng lao động. Do con đã trên 7 tuổi nên cũng theo nguyện vọng của con. Nếu con ở với chị thì chị chưa yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con, anh Tr có quyền thăm nom con.

Về tài sản chung: Chị và anh Sùng A Tr có tài sản chung là 02 chiếc xe máy, 03 mảnh đất vườn (nương), nhưng tài sản này anh Tr đã bán hết, chỉ còn một 01 ngôi nhà gỗ lợp ngói 3 gian và thửa đất ở đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nhà làm trên đất) vị trí nhà và đất tại xóm P, xã P, huyện M, tỉnh Hòa Bình, có giá trị khoảng 150.000.000 đồng. Sau khi ly hôn chị về quê ở địa phương khác sinh sống nên chị đề nghị chia toàn bộ tài sản là nhà và đất cho anh Tr và anh Tr có trách nhiệm trả nợ toàn bộ tiền gốc và lãi cho hai ngân hàng.

Các tài sản đã bán không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra còn có 01 nhà bếp, 02 bể nước, 01 nhà vệ sinh. Chị không yêu cầu tòa án giải quyết đối với những tài sản này. Trường hợp giá trị tài sản lớn hơn nghĩa vụ trả nợ các ngân hàng đến thời điểm trả nợ thì chị không yêu cầu giải quyết phần chênh lệch về tài sản này.

Về nợ chung: Chị và anh Sùng A Tr nợ Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh huyện M số tiền là 50.000.000 đồng tiền gốc. Đây là tiền anh chị vay để mua xe máy cho con gái khi đám cưới, sau khi tổ chức lễ cưới, chị đã đưa số tiền mừng cưới là 50.000.000 đồng cho anh Tr để trả cho ngân hàng nhưng anh Tr không trả, nay chị cũng không có chứng cứ gì về việc này vì vợ chồng tin tưởng nhau; Vay của Phòng giao dịch Ngân hàng Ch huyện M số tiền là 35.000.000 đồng tiền gốc. Về nợ chung chị đề nghị giải quyết giao toàn bộ nhà đất cho anh Tr sở hữu, sử dụng và đồng thời có nghĩa vụ trả toàn bộ tiền gốc và lãi cho Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh huyện M và Phòng giao dịch Ngân hàng Ch huyện M. Chị không có khả năng trả toàn bộ nợ trước khi tòa án giải quyết vụ án cho các ngân hàng nêu trên. Ngoài các vấn đề nêu trên chị không đề nghị giải quyết vấn đề gì khác.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, chị Tếnh Y M tự nguyện nộp cả, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí chị Tếnh Y M tự nguyện nộp một nửa theo quy định của pháp luật.

Đối với anh Sùng A Tr vắng mặt tại phiên tòa nhơng đã có lời khai, tại Biên bản lấy lời khai ngày 23/4/2020 anh Tr trình bày: Quá trình chung sống như chị M đã trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng khoảng những năm gần đây vợ chồng anh cũng hay phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị M trong cuộc sống, khi anh bị ốm đau, tai nạn chị M không quan tâm chăm sóc mà bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Mặc dù có mâu thuẫn nhưng anh không đồng ý với yêu cầu của chị M là yêu cầu tuyên bố không phải là vợ chồng.

Về con chung: Công nhận có 02 con chung như chị M đã trình bày, đối với con Sùng A V, con đã trên 07 tuổi nên ở với ai là theo nguyện vọng của con, nếu con ở với anh thì anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con, chị M có quyền thăm nom con. Con là Sùng Y X đã thành niên, trên 18 tuổi và đã lập gia đình nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị Tếnh Y M hiện nay còn một 01 ngôi nhà gỗ lợp ngói 3 gian trên thửa đất ở có diện tích 300 m^2 là đất được bố mẹ chuyển nhượng cho, đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, (nhà làm trên đất) vị trí nhà và đất tại xóm P, xã P, huyện M, tỉnh Hòa Bình, theo anh có giá trị khoảng 32.000.000 đồng (ý kiến tại Biên bản định giá tài sản). Anh không yêu cầu chia tài sản mà muốn để lại cho con, nếu hai vợ chồng không thỏa thuận được thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra còn có 01 nhà bếp, 02 bể nước, 01 nhà vệ sinh. Anh không yêu cầu giải quyết đối với những tài sản này.

Về nợ chung: Anh và chị Tếnh Y M còn nợ Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh huyện M số tiền là 50.000.000 đồng tiền gốc. Đây là tiền anh chị vay để mua xe máy cho con gái khi đám cưới, sau khi tổ chức lễ cưới, chị đưa tiền cho anh trả nhưng do khi đó cuộc sống gia đình khó khăn, anh Tr ốm đau, tai nạn nên đã dùng vào việc chi tiêu sinh hoạt hàng ngày và chữa bệnh; Vay của Phòng giao dịch Ngân hàng Ch huyện M số tiền là 35.000.000 đồng tiền gốc. Anh đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị M có nghĩa vụ trả toàn bộ tiền gốc và lãi cho Ngân hàng Nn Việt Nam - Chi nhánh huyện M và Phòng giao dịch Ngân hàng Ch huyện M. Anh không có khả năng trả nợ trước cho hai ngân hàng trên trước khi tòa án giải quyết vụ án. Ngoài các vấn đề nêu trên anh không đề nghị tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Về việc giao nộp chứng cứ cho nhau: Chị M cũng đã hỏi có nhận các chứng như đã nộp cho Tòa án không, anh đã biết và nhận thấy không cần thiết nên không nhận.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, anh đồng ý để chị Tếnh Y M nộp cả, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 28/02/2020 và tại phiên tòa ngơời có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn Ch, Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Ch huyện M – Chi nhánh Ngân hàng Ch tỉnh Hòa Bình trình bày: Vợ chồng anh Sùng A Tr (chủ hộ), chị Tếnh Y M có mã số khách hàng là: 1700037437. Gia đình

anh Sùng A Tr có vay Phòng giao dịch Ngân hàng Ch huyện Mai châu – chi nhánh ngân hàng Ch tỉnh Hòa Bình 02 chương trình vay vốn, với tổng số tiền là 35.00.00 đồng, cụ thể gồm:

- Chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Khế ước số: 66000007060818xx; Số tiền gốc vay là 12.000.000 đồng, ngày vay 17/11/2015, thời hạn trả ngày 17/11/2020; lãi suất: 9 % /năm, tính đến ngày 09/6/2020 còn nợ tiền gốc là 12.000.000 đồng và lãi còn lại của khoản vay này là 2.272.438 đồng.

- Chương trình cho vay Hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn: Khế ước số: 6600000702825xx; Số tiền gốc vay là 23.000.000 đồng, ngày vay 06/11/2014, thời hạn trả ngày 06/11/2017; lãi suất: 9 % /năm, tính đến ngày 09/6/2020 còn nợ tiền gốc là 23.000.000 đồng và lãi còn lại của khoản vay này là 5.651.273 đồng.

Tổng số tiền mà anh Sùng A Tr và chị Tếnh Y M vay là 35.000.000 đồng tiền gốc và lãi tính đến ngày 09/6/2020 là 7.923.711 đồng.

Từ thực tế về nhu cầu sử dụng tài sản và nơi cư trú của chị Tếnh Y M đã trình bày, Phòng giao dịch Ngân hàng Ch huyện M – Chi nhánh Ngân hàng Ch tỉnh Hòa Bình đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mai Châu giải quyết cho anh Sùng A Tr là người có nghĩa vụ trả toàn bộ tiền nợ gốc và lãi còn lại cho ngân hàng theo các khế ước đã ký kết. Ngoài ra không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Tại Bản tự khai ngày 09/3/2020 và tại phiên tòa ngợời có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hồng Tr, Giám đốc chi nhánh Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh huyện M trình bày:

Ngày 24/3/2017, sau khi thẩm định, Ngân hàng N Việt Nam – Chi nhánh huyện M, Hòa Bình đã cho hộ anh Sùng A Tr và chị Tếnh Y M vay vốn tại Hợp đồng tín dụng số 3004-LAV2017008xx số tiền là 50.000.000 đồng mục đích chăn nuôi bò, hạn trả cuối cùng ngày 24/3/2020. Trong quá trình vay vốn chị M và anh Tr đã trả lãi đến hết ngày 06/10/2017. Tổng số tiền mà anh Sùng A Tr và chị Tếnh Y M vay là 50.000.000 đồng tiền gốc và lãi tính đến ngày 09/6/2020 là 63.872.222 đồng. Ngân hàng N Việt Nam – Chi nhánh huyện M, Hòa Bình đề nghị anh Sùng A Tr và chị Tếnh Y M trả hết nợ vay cho ngân hàng trước khi yêu cầu tuyên bố không phải là vợ chồng. Trường hợp anh Tr, chị M chưa trả được thì đề nghị anh Sùng A Tr là người có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng, theo hợp đồng đã ký kết. Cụ thể: Tiền gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi còn lại theo hợp đồng đã ký kết đến khi anh Tr trả hết nợ cho ngân hàng.

Ngày 17/4/2020 chị Tếnh Y M có đơn đề nghị xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Ngày 23/4/2020, Tòa án nhân dân huyện Mai Châu đã tiến hành xem xét, thẩm định tại tại chỗ đối với nhà và đất là tài sản chung của anh Sùng A Tr và chị Tếnh Y M, kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ như sau:

- Chị Tếnh Y M và anh Sùng A Tr có một ngôi nhà gỗ, cột chính là gỗ trai, nhà 03 gian, mái lợp ngói xi măng, nền láng vữa xi măng, có chiều dài là 11,52 m, chiều rộng là 6,45 m, diện tích nhà là 74,1 m^2. Đối với đất là loại đất ở, có chiều dài là 20 m, chiều rộng là 15 m, diện tích là 300 m^2 thuộc quyền sử dụng của chị M và anh Tr. Nhà làm trên đất quay về hướng Tây Nam. Vị trí nhà và đất ở Xóm P, xã P, huyện M, tỉnh Hòa Bình.

- Đối chiếu hiện trạng đất phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp GCN:CN 0044x ngày 29/10/2015 của UBND huyện Mai Châu đã cấp cho anh Sùng A Tr và chị Tếnh Y M.

Về kết quả định giá tài sản: 03/03 thành viên Hội đồng định giá tài sản đã thống nhất:

- 01 ngôi nhà gỗ, cột chính là gỗ trai, nhà 03 gian, mái lợp ngói xi măng, nền láng vữa xi măng, có chiều dài là 11,52 m, chiều rộng là 6,45 m, diện tích nhà là 74,1 m^2 tài sản đã qua sử dụng, thời điểm định giá vào ngày 23/4/2020, địa điểm cần định giá xóm P, xã P, huyện M, tỉnh Hòa Bình, giá trị 60.000.000 đồng.

- Đối với đất là loại đất ở, có chiều dài là 20 m, chiều rộng là 15 m, diện tích là 300 m^2, thời điểm định giá vào ngày 23/4/2020, địa điểm cần định giá xóm P, xã P, huyện M, tỉnh Hòa Bình, giá trị 90.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là 150.000.000 đồng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Châu phát biểu quan điểm về vụ án nhoị sau:

- Qua kiểm sát quá trình giải quyết vụ án thấy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mai Châu. Quá trình giải quyết Tòa án nhân dân huyện Mai Châu đã thụ lý, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ, thu thập các tài liệu chứng cứ và giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ các quy định có liên quan của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay, đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt đã có lời khai và được tống đạt hợp lệ các Quyết định của Tòa án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về giải quyết vụ án: Giữa chị Tếnh Y M và anh Sùng A Tr đến nay không đăng ký kết hôn, sống chung như vợ chồng. Mặt khác các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày tại phiên tòa của chị M thể hiện hôn nhân không hạnh phúc. Do vậy đề nghị tòa tuyên bố anh Sùng A Tr và chị Tếnh Y M không phải là vợ chồng, chấm dứt hôn nhân. Về con chung Tòa án đã tiến hành hỏi nguyện vọng vọng của con Sùng A Vinh, tại biên bản ngày 28/02/2020, con muốn ở với mẹ. Do đó đề nghị giải quyết giao con cho chị M nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung, do chị M không có nhu cầu ở nhà và sử dụng đất, chị về quê sinh sống đề nghị nên chấp nhận yêu cầu của chị chia tài sản là nhà và đất đã định giá cho anh Tr đồng thời anh Tr có nghĩa vụ trả nợ toàn bộ tiền gốc còn lại cho hai ngân hàng là phù hợp với quy định pháp luật, quy định tại khoản 1 Điều 14 ; khoản 2 Điều 53; 15; 81 ; 82 ; 83; Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 207, 219, 275, 280 Bộ luật Dân sự. Các tài sản khác chị M và anh Tr không yêu cầu nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Ngoài ra đề nghị xem xét giải quyết các vấn đề cần giải quyết khác trong vụ án đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền giải quyết vụ án**: Thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mai Châu theo khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] **Về việc giao nộp chứng cứ**: Các đương sự trong vụ án đã đề cập đến việc giao các chứng cứ cho nhau nhưng các đương sự nhận thấy không cần thiết nên không nhận.

[3] **Về xét xử vắng mặt bị đơn**: Tại phiên tòa bị đơn anh Sùng A Tr đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của các bên đương sự, cũng như đảm bảo thời hạn tố tụng Tòa án.

[4] **Về quan hệ hôn nhân**: Anh Sùng A Tr và chị Tếnh Y M sống chung như vợ chồng từ năm 1994 đến nay không đăng ký kết hôn, có tổ chức đám cưới theo phong tục tại địa phương. Sau khi tổ chức lễ cưới anh chị sống chung với nhau tại xóm P, xã P, huyện M, tỉnh Hòa Bình đến nay. Tuy anh Sùng A Tr có ý kiến muốn chị M quay về tiếp tục chung sống nhưng do không đăng ký kết hôn hơn nữa mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ không đạt được nên theo đơn khởi kiện của chị M, cần chấp nhận yêu cầu tuyên bố không phải là vợ chồng của chị M. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] **Về con chung**: Chị Tếnh Y M và anh Sùng A Tr có 02 con chung như chị M và anh Tr đã trình bày. Xét thấy yêu cầu của chị Tếnh Y M về con chung, nguyện vọng của con là muốn mẹ là người trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và anh Tr cũng có ý kiến theo nguyện vọng của con là phù hợp, có căn cứ pháp luật. Do vậy cần chấp nhận. Căn cứ quy định tại Điều 15, 16, khoản 2 Điều 53 ; Điều 81, 82 , 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] **Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản**: Hiện nay anh Sùng A Tr và chị Tếnh Y M có 01 ngôi nhà gỗ lợp ngói 3 gian trên thửa đất ở có diện tích 300 m^2 có trị giá theo định giá là 150.000.000 đồng, anh Sùng A Tr hiện đang quản lý và sử dụng và nợ Phòng giao dịch Ngân hàng Ch huyện M – Chi nhánh Ngân hàng Ch tỉnh Hòa Bình số tiền gốc hai khoản là 35.000.000 đồng và lãi tương ứng còn lại; nợ Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh huyện M, tỉnh Hòa Bình 50.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tương ứng còn lại.

Xét công sức đóng góp và yêu cầu của chị M về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình chung sống ngoài tài sản có yêu cầu và định giá nêu trên chị M và anh Tr còn làm ra một số tài sản khác trong thời gian sống chung với nhau như xe máy, nương rẫy anh Tr đã bán và số tiền cưới con 50.000.000 đồng chị M đưa cho anh Tr đi trả nợ. Những tài sản này hiện nay không còn anh Tr không trả Ngân hàng mà đã tự chi tiêu hết, nên anh Tr và chị M không yêu cầu giải quyết. Tài sản còn mà không định giá là 01 nhà bếp, 02 bể nước, 01 nhà vệ sinh, đối với những tài sản này anh Tr chị M không yêu cầu giải quyết, anh Tr là người đang sử dụng, nên không

xét đến. Tuy nhiên cũng thể hiện một phần về công sức đóng góp và thực tế sử dụng tài sản của mỗi bên.

Đối với tài sản đã định giá là nhà và đất và việc trả nợ các ngân hàng mà anh Tr chị M yêu cầu giải quyết nêu trên: Do hiện tại anh Tr đang quản lý sử dụng nhà và đất, chị M không có nhu cầu sử dụng mà chị sẽ về quê ở bản S, xã L, huyện V, Sơn La để sinh sống nên chị M yêu cầu chia toàn bộ tài sản là nhà và đất đã định giá trị giá 150.000.000 đồng cho anh Tr và anh Tr có nghĩa vụ trả nợ toàn bộ tiền gốc và lãi còn lại cho hai ngân hàng khi đến hạn trả nợ theo khế ước, hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên. Xét thấy tài sản, nợ có tranh chấp là tài sản chung, nghĩa vụ trả nợ chung, yêu cầu của anh Tr về việc chị M phải trả toàn bộ nợ của hai ngân hàng là không có căn cứ không được chấp nhận. Yêu cầu của chị M này là phù hợp với quy định của pháp luật về nguyên tắc chia đôi tài sản, nghĩa vụ trả nợ trên cơ sở công sức đóng góp của mỗi bên tình hình thực tế về nhu cầu sử dụng tài sản và điều kiện trả nợ, anh Tr, chị M không có khả năng trả nợ trước khi Tòa án giải quyết vụ án, phía hai ngân hàng không yêu cầu độc lập về việc yêu cầu trả nợ trước khi giải quyết vụ án, nên không xem xét giải quyết, trong vụ án này tòa án chỉ phân chia tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ chung, mà không giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng do không có yêu cầu. Đối với yêu cầu của hai ngân hàng đồng ý để anh Tr là người trả nợ gốc và lãi còn lại là phù hợp với nhận định về chia tài sản chung của tòa án và phù hợp với phát biểu của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu này của các ngân hàng và yêu cầu về chia tài sản, nghĩa vụ trả nợ chung của chị Tếnh Y M và yêu cầu giải quyết tài sản theo pháp luật của anh Sùng A Tr. Căn cứ khoản 1 Điều 14 ; khoản 2 Điều 53 ; Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 207, 219, 275, 280 Bộ luật Dân sự.

[7] Về án phí: Chị Tếnh Y M, anh Sùng A Tr phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chị Tếnh Y M tự nguyện nộp cả và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

[9] Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 7 Điều 28 ; điểm a khoản 1 Điều 35 ; điểm a khoản 1 Điều 39 ; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 14 ; khoản 2 Điều 53; 15; 81 ; 82 ; 83; Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 207, 219, 275, 280 Bộ luật Dân sự. Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. **Về quan hệ hôn nhân**: Tuyên bố chị Tếnh Y M và anh Sùng A Tr không phải là vợ chồng.

2. **Về con chung**: Giao con là Sùng A V, sinh ngày 13/3/2003 cho chị Tếnh Y M trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Tếnh Y M chưa yêu cầu anh Sùng A Tr cấp dưỡng nuôi con. Anh Tr có quyền thăm nom con.

3. **Về tài sản chung**: Chia cho anh Sùng A Tr sở hữu 01 ngôi nhà gỗ, cột chính là gỗ trai, nhà 03 gian, mái lợp ngói xi măng, nền láng vữa xi măng, có chiều dài là 11,52 m, chiều rộng là 6,45 m, diện tích nhà là 74,1 m^2 và quyền sử dụng một thửa đất là loại đất ở, có chiều dài là 20 m, chiều rộng là 15 m, diện tích là 300 m^2, nhà làm trên đất. Trị giá nhà và đất là 150.000.000 đồng. Vị trí nhà và đất ở xóm P, xã P, huyện M, tỉnh Hòa Bình.

4. **Về nghĩa vụ trả nợ chung**:

4.1. Anh Sùng A Tr có nghĩa vụ trả nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng Ch huyện M – Chi nhánh Ngân hàng Ch tỉnh Hòa Bình như sau:

- Khoản thứ nhất 12.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tương ứng còn lại khi đến hạn trả nợ là ngày 17/11/2020, trường hợp không trả đúng hạn thì anh Tr tiếp tục chịu lãi theo khế ước (hợp đồng) đối với khoản nợ này.

- Khoản thứ hai 23.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tương ứng còn lại theo khế ước (hợp đồng) đối với khoản nợ này cho đến khi trả hết nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng Ch huyện M – Chi nhánh Ngân hàng Ch tỉnh Hòa Bình.

4.2. Anh Sùng A Tr có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Nn Việt Nam - Chi nhánh huyện M, tỉnh Hòa Bình 50.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tương ứng còn lại theo hợp đồng đã ký kết đối với khoản nợ gốc này cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh huyện M, tỉnh Hòa Bình.

5. **Về án phí**: Chị Tếnh Y M nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số: 0007334 ngày 18/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mai Châu và tự nguyện nộp 3.750.000 đồng án phí chia tài sản. Anh Sùng A Tr phải nộp 3.750.000 đồng án phí chia tài sản chung.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo bản án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh HB ;
- VKSND tỉnh HB;
- VKSND huyện MC;
- THA dân sự;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Phạm Thanh Tùng